

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh. Đồng thời, là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các cấp.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là huyện nghèo.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương và phân bổ cụ thể ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Quy mô dân số của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2021.

2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Huyện khu vực miền núi, vùng cao, biên giới đất liền; đơn vị hành chính cấp xã của huyện, của tỉnh để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Huyện nghèo do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.

5. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

Điều 5. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách nhà nước cho huyện nghèo.

2. Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn.

Điều 6. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Dự án: Phân bổ 100% cho huyện, thị xã, thành phố.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố.

a) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 08%	0,4
Từ 08% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 20%	0,6
Từ 20% trở lên	0,7

b) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 3.000 hộ	0,4
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

c) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

d) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 08 xã	1,0
Từ 08 xã đến 10 xã	1,15
Từ 11 xã đến 13 xã	1,3
Từ 14 xã đến 17 xã	1,5
Từ 18 xã trở lên	2

đ) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i , theo công thức: $Y_i = 0,12 \cdot HN_i \times 2,5 + ĐV_i$

HN_i là số huyện nghèo.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Điều 7. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Phân bổ 100% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 08%	0,4
Từ 08% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 20%	0,6
Từ 20% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 3.000 hộ	0,4
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

(4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 08 xã	1,0
Từ 08 xã đến 10 xã	1,15

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Từ 11 xã đến 13 xã	1,3
Từ 14 xã đến 17 xã	1,5
Từ 18 xã trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố
 Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $D_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

D_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i , theo công thức: $Y_i = 0,12 \cdot HN_i \times 2,5 + ĐV_i$

HN_i là số huyện nghèo.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho huyện, thị xã, thành phố, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Phân bổ 10% cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ 90% cho huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố.

(1) Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

(2) Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 08 xã	1,0
Từ 08 xã đến 10 xã	1,15
Từ 11 xã đến 13 xã	1,3
Từ 14 xã đến 17 xã	1,5
Từ 18 xã trở lên	2

(3) Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi

Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	Hệ số
Từ 25% trở lên	1,6
Từ 20% đến dưới 25%	1,4
Từ 15% đến dưới 20%	1,2
Dưới 15%	1,0

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo số liệu năm 2020 của Bộ Y tế.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i , theo công thức: $Y_i = 0,12 \cdot HN_i \times 3 + ĐV_i$

HN_i là số huyện nghèo.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

Điều 8. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Đối với vốn đầu tư phát triển:

(1) Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển của Tiểu dự án để đầu tư cho đơn vị, địa phương (huyện, thị xã, thành phố).

(2) Tiêu chí và hệ số phân bổ

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 08%	0,4

Từ 08% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 20%	0,6
Từ 20% trở lên	0,7

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 3.000 hộ	0,4
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

- Tiêu chí 3: Số trường cao đẳng, trung cấp giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

Số trường cao đẳng, trung cấp giáo dục nghề nghiệp công lập	Hệ số
Có 01 trường	0,5
Có 02 trường	0,6
Có 03 trường	0,7

Số trường cao đẳng, trung cấp giáo dục nghề nghiệp công lập để tính hệ số được xác định căn cứ vào Quyết định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đến năm 2021.

- Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố

Số lượng tuyển sinh	Hệ số
Dưới 200 người/năm	0,5
Từ 200 người/năm đến dưới 400 người/năm	0,6
Trên 400 người/năm đến dưới 600 người/năm	0,7
Trên 600 người/năm	0,8

Số lượng tuyển sinh để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu kết quả tuyển sinh năm 2020 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội công bố.

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho đơn vị:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ được tính theo công thức: $H_i = Q.X_i$

Trong đó:

H_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho đơn vị, địa phương thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của đơn vị, địa phương thứ i , theo công thức:

$$X_i = (TL_i + QM_i) \times 3 + (TR_i + TS_i)$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i .

TR_i là hệ số tiêu chí của trường cao đẳng, trung cấp giáo dục nghề nghiệp công lập của đơn vị, địa phương thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh của đơn vị, địa phương thứ i .

Q là vốn bình quân của một đơn vị, địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

b) Đối với vốn sự nghiệp:

(1) Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

(2) Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập (đơn vị) trên địa bàn tỉnh.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn

+ Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 08%	0,4
Từ 08% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 20%	0,6
Từ 20% trở lên	0,7

+ Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 3.000 hộ	0,4
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5

Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

+ Tiêu chí 3: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện, thị xã, thành phố

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
Mỗi một trung tâm giáo dục nghề nghiệp	0,1
Mỗi một trường trung cấp	0,2
Mỗi một trường cao đẳng	0,3

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2020.

+ Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh

Số lượng tuyển sinh	Hệ số
Dưới 200 người/năm	0,5
Từ 200 người/năm đến dưới 400 người/năm	0,6
Trên 400 người/năm đến dưới 600 người/năm	0,7
Trên 600 người/năm	0,8

Số lượng tuyển sinh để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu kết quả tuyển sinh năm 2020 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội công bố.

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho đơn vị:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng đơn vị được tính theo công thức: $I_i = Q \cdot X_i$

Trong đó:

I_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho đơn vị thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của đơn vị thứ i , theo công thức:

$$X_i = (TL_i + QM_i) \times 3 + (TR_i + TS_i)$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i .

TR_i là tổng hệ số tiêu chí số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện, thị xã, thành phố thứ i được tính theo công thức:

$$TR_i = 0,3 \times CĐ_i + 0,2 \times TC_i + 0,1 \times TT_i$$

$CĐ_i$ là số trường cao đẳng công lập của địa phương thứ i .

TC_i là số trường trung cấp công lập của địa phương thứ i .

TT_i là số trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập của địa phương thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh của địa phương thứ i .

Q là vốn bình quân cho một đơn vị được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ để hỗ trợ số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập (đơn vị) thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

(3) Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp của Tiêu dự án cho các huyện, thị xã, thành phố để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

+ Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 08%	0,4
Từ 08% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 20%	0,6
Từ 20% trở lên	0,7

+ Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 3.000 hộ	0,4
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

+ Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

+ Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 08 xã	1,0

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Từ 08 xã đến 10 xã	1,15
Từ 11 xã đến 13 xã	1,3
Từ 14 xã đến 17 xã	1,5
Từ 18 xã trở lên	2

+Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh của huyện, thị xã, thành phố

Số lượng tuyển sinh	Hệ số
Dưới 200 người/năm	0,5
Từ 200 người/năm đến dưới 400 người/năm	0,6
Trên 400 người/năm đến dưới 600 người/năm	0,7
Trên 600 người/năm	0,8

Số lượng tuyển sinh để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu kết quả tuyển sinh năm 2020 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội công bố.

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $K_i = Q.X_i$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thị xã, thành phố thứ i , theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + 0,12.HN_i + ĐV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

HN_i số huyện nghèo.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ huyện, thị xã, thành phố thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Tối đa 18% cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 82% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 08%	0,4
Từ 08% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 20%	0,6
Từ 20% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 3.000 hộ	0,4
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức: $L_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

L_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i .

Y_i là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ i quy định tại công thức $Y_i = 0,12 \cdot HN_i$.

HN_i là số huyện nghèo.

Q là vốn bình quân cho địa phương được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Tối đa 10% cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 90% cho huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố.

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 08%	0,4
Từ 08% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 20%	0,6
Từ 20% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 3.000 hộ	0,4
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

(3) Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện, thị xã, thành phố

Dân số của địa phương	Hệ số
Dưới 50.000 người	1,0
Từ 50.000 người đến dưới 90.000 người	1,3
Từ 90.000 người đến dưới 120.000 người	1,6
Trên 120.000 người	1,9

Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên căn cứ vào số liệu công bố năm 2020 của Cục thống kê.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Điều 9. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

1. Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ để thực hiện Dự án 5 trên cơ sở kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Căn cứ nhu cầu xây mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo và đề xuất kinh phí hỗ trợ thực hiện, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

2. Định mức hỗ trợ: Nhà xây mới 40.000.000 đồng/hộ; sửa chữa nhà 20.000.000 đồng/hộ từ vốn sự nghiệp ngân sách trung ương.

Điều 10. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Tối đa 30% cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 70 cho huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố.

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 08%	0,4
Từ 08% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 20%	0,6
Từ 20% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 3.000 hộ	0,4
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5

Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

(4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 08 xã	1,0
Từ 08 xã đến 10 xã	1,15
Từ 11 xã đến 13 xã	1,3
Từ 14 xã đến 17 xã	1,5
Từ 18 xã trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố.

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i + D_i$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i , theo công thức: $Y_i = 0,12 \cdot HN_i + ĐV_i$

HN_i là số huyện nghèo.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

D_i là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6; D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của tỉnh.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Tối đa 35% cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 65% cho huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố.

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 08%	0,4
Từ 08% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 20%	0,6
Từ 20% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 3.000 hộ	0,4
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

(4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 08 xã	1,0
Từ 08 xã đến 10 xã	1,15
Từ 11 xã đến 13 xã	1,3
Từ 14 xã đến 17 xã	1,5
Từ 18 xã trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i , được tính theo công thức: $Y_i = 0,12.HN_i + ĐV_i$

HN_i là số huyện nghèo.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 của Chương trình.

Điều 11. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

1. Phân bổ ngân sách nhà nước của Dự án: Tối đa 25% cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 75% cho huyện, thị xã, thành phố.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

a) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 08%	0,4
Từ 08% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 20%	0,6
Từ 20% trở lên	0,7

b) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 3.000 hộ	0,4
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,6
Từ 5.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.000 hộ	0,8
Từ 7.000 hộ trở lên	0,9

c) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

d) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 08 xã	1,0
Từ 08 xã đến 10 xã	1,15
Từ 11 xã đến 13 xã	1,3
Từ 14 xã đến 17 xã	1,5
Từ 18 xã trở lên	2

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i , theo công thức: $Y_i = 0,12 \cdot HN_i + ĐV_i$

HN_i là số huyện nghèo.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Dự án 7 của Chương trình.

Điều 12. Tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương với ngân sách trung ương

1. Trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 13 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, hàng năm ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình (từ nguồn vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp).

2. Ngoài ra, huy động thêm các nguồn vốn hợp pháp khác để tăng cường cho các hoạt động của Chương trình, đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn tỉnh.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Nguồn ngân sách thực hiện

Nguồn ngân sách thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025, gồm:

1. Ngân sách trung ương;
2. Ngân sách địa phương;
3. Vốn tín dụng Ngân hàng Chính sách xã hội;
4. Vốn huy động hợp pháp và vốn đóng góp của Nhân dân.